TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Tấn;

Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 820/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hạnh N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 237/5, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Văn C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 237/5, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

(Bà Trần Thị Hạnh N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Triệu Văn C vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 10/11/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Hạnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Triệu Văn C quen biết nhau qua mai mối, tiến tới hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A vào ngày 21/8/2002. Hôn nhân lần thứ nhất của

cả hai. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng hơn 01 năm, đến cuối năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Triệu Văn C thường xuyên nhậu nhẹt, tham gia cờ bạc, không chăm lo kinh tế gia đình và không quan tâm vợ con. Đến năm 2005 thì ông Triệu Văn C bỏ địa phương đi cho đến nay và không còn liên lạc với gia đình; bà đã nhiều lần liên hệ tìm ông CNng không có tin tức. Do đó, bà Trần Thị Hạnh N yêu cầu ly hôn với ông Triệu Văn C.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Hạnh N và ông Triệu Văn C có một con chung tên Triệu Trần Kiều N, sinh ngày 09/10/2001. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng bà. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu ông Triệu Văn C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Hạnh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Triệu Văn C là bị đơn trong vụ án không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hạnh N và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Bà Trần Thị Hạnh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 25/02/2019 lý do bà phải đi làm xa.

Ông Triệu Văn C vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự N sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 175, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và N vụ đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng N vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hạnh N do quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hạnh N và ông Triệu Văn C không còn hạnh phúc.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Triệu Trần Kiều N, sinh ngày 09/10/2001 cho bà Trần Thị Hạnh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà Trần Thị Hạnh N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Hạnh N không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Triệu Văn C không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Về án phí: Bà Trần Thị Hạnh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Hạnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Triệu Văn C. Ông Ccó hộ khẩu tại thành phố L. Xét đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý, giải quyết.

[1.2] Bà Trần Thị Hạnh N có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/02/2019 với lý do bà phải đi làm xa.

[1.3] Theo Quyết định số 04/2018/QĐ-VDS ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L về việc chấp nhận yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Triệu Văn C, sinh năm 1982, nơi cư trú cuối cùng tại số 237/5, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A. Tòa án nhân dân thành phố L đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo thông báo số 05/2018/TB–TA ngày 8/6/2018. Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố L đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tại nơi cư trú cuối cùng của ông Triệu Văn C. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông Triệu Văn C vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị Hạnh N và ông Triệu Văn C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hạnh N và ông Triệu Văn C tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 258, ngày 21/8/2002 nên được pháp luật

công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Trần Thị Hạnh N cho rằng, quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Triệu Văn C thường xuyên nhậu nhẹt, tham gia cờ bạc, không chăm lo kinh tế gia đình và không quan tâm vợ con. Cha mẹ của bà có khuyên nhủ Nng ông Cvẫn không sửa đổi tính tình và có ý định không muốn sinh sống chung với gia đình bên vợ. Đến năm 2005 thì ông Triệu Văn C bỏ đi đâu bà không rõ. Bà đã nhiều lần đến nhà cha mẹ chồng để tìm Nng không có kết quả. Do đó, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Triệu Văn C và đã được Tòa án chấp nhận, bà đã 03 lần đăng đài, đăng báo để tìm ông Triệu Văn C. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định, hôn nhân giữa bà Trần Thị Hạnh N và ông Triệu Văn C đã không còn tồn tại. Ông Triệu Văn C đã bỏ địa phương đi trong thời gian dài, chứng tỏ ông bà không còn quan tâm lẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Hạnh N được ly hôn ông Triệu Văn C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo Giấy khai sinh số 00512/2001, quyển số 03/2001 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A, thể hiện bà Trần Thị Hạnh N và ông Triệu Văn C có một con chung tên Triệu Trần Kiều N, sinh ngày 09/10/2001. Bà Trần Thị Hạnh N có yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về quyền nuôi con chung: Biên bản xác minh ngày 03/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A thể hiện: Trong quá trình sống chung, bà Trần Thị Hạnh N và ông Triệu Văn C có một con chung tên Triệu Trần Kiều N, sinh ngày 09/10/2001. Quá trình Tòa án giải quyết, ông Triệu Văn C không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Thị Hạnh N. Tại Biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con chung, em Triệu Trần Kiều N có nguyện vọng sinh sống ổn định cùng mẹ là bà Trần Thị Hạnh N. Do đó, để đảm bảo ổn định về tinh thần và quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Triệu Trần Kiều N, sinh ngày 09/10/2001 cho bà Trần Thị Hạnh N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Hạnh N không yêu cầu ông Triệu Văn C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Hạnh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Trần Thị Hạnh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010688, ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà Trần Thị Hạnh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Triệu Văn C không phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 232; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Hạnh N và bị đơn ông Triệu Văn C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hạnh N. Bà Trần Thị Hạnh N được ly hôn ông Triệu Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 258, ngày 21/8/2002 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh A cấp mang tên Trần Thị Hạnh N và Triệu Văn C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Triệu Trần Kiều N, sinh ngày 09/10/2001 cho bà Trần Thị Hạnh N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Triệu Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Trần Thị Hạnh N không yêu cầu.

Bà Trần Thị Hạnh N cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Triệu Văn C được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Trần Thị Hạnh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình; Nng được khấu trừ vào

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010688, ngày 06/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà Trần Thị Hạnh N đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Triệu Văn C không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, bà Trần Thị Hạnh N và ông Triệu Văn C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An giang ;
- VKSND. TP Long Xuyên ;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên ;
- UBND phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thu